

MÔ HÌNH CÔNG TI LUẬT HỢP DANH TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THEO PHÁP LUẬT HOA KỲ VÀ ĐỀ XUẤT CHO VIỆT NAM

NGUYỄN ĐỨC ANH *

Tóm tắt: Thông thường, các công ti luật trên thế giới hoạt động dưới hình thức công ti hợp danh thông thường (*general partnership*), trong đó các thành viên hợp danh (*partner*) sẽ cùng liên đới chịu trách nhiệm vô hạn. Tuy nhiên, loại hình công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn (*Limited Liability Partnership*) cho phép các công ti luật được hưởng chế độ trách nhiệm hữu hạn và giúp luật sư thành viên tránh được việc phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi của những người đồng nghiệp của mình. Bài viết tập trung làm rõ: 1) sự khác biệt cơ bản của công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn với công ti hợp danh thông thường; 2) lí do loại hình công ti này được các công ti luật lựa chọn; 3) quy định của pháp luật Hoa Kỳ về công ti luật hợp danh trách nhiệm hữu hạn; 4) đề xuất đưa mô hình công ti này vào pháp luật doanh nghiệp Việt Nam.

Từ khoá: Công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn; công ti luật; luật sư thành viên

Nhận bài: 01/10/2021

Hoàn thành biên tập: 25/02/2022

Duyệt đăng: 25/02/2022

LIMITED LIABILITY PARTNERSHIP LAW FIRM IN THE UNITED STATES AND SUGGESTIONS FOR VIETNAM

Abstract: In the past, the majority of law firms operate as general partnerships, in which all partners share unlimited liabilities. Limited liability partnership (LLP) allows law firms to obtain limited liability and lets firm partners avoid personal exposure to malpractice claims against their colleagues. This paper focuses on 04 issues: The main difference of limited liability partnership compare to general partnership; The reason why law firms choose LLP; how law firm LLP is regulated in the United States; and whether Vietnam can adopt LLP in future legislations on enterprises.

Keywords: Limited liability partnership; law firm; law firm partner

Received: Oct 1st, 2021; Editing completed: Feb 25th, 2022; Accepted for publication: Feb 25th, 2022

1. Đặc điểm pháp lí của công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn theo quy định của pháp luật Hoa Kỳ

Không giống như pháp luật của nhiều quốc gia, pháp luật Hoa Kỳ tồn tại hai hệ thống luật thành văn là luật riêng của các bang (*state statutes*) và luật chung của liên bang (*federal statutes*), trong đó công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn được điều chỉnh

bởi pháp luật của các bang. Do vậy, các luật về công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn ở các bang sẽ không giống nhau. Tuy vậy, những đặc điểm cơ bản của loại hình công ti này có thể thấy rõ ở văn bản pháp luật đầu tiên về công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn được thông qua ở Hoa Kỳ - Luật Công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn bang Texas năm 1991 (*Texas Registered LLP Act*).

Sự khác biệt lớn nhất của công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn với công ti hợp

* Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội
E-mail: anhnd@hlu.edu.vn

danh thông thường chính là trách nhiệm hữu hạn của các thành viên hợp danh. Trách nhiệm hữu hạn có nghĩa là các thành viên hợp danh sẽ không phải chịu trách nhiệm về các hoạt động của công ti hay của các thành viên hợp danh khác, nói cách khác, họ sẽ chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn họ đã đầu tư vào công ti. Ngược lại, với trách nhiệm vô hạn, các thành viên hợp danh sẽ phải liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về hoạt động của công ti và cả hành vi mà các thành viên hợp danh khác thực hiện liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ti.

Luật Công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn bang Texas ghi nhận: “Thành viên hợp danh trong công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn sẽ không phải chịu trách nhiệm cá nhân về các khoản nợ và nghĩa vụ khác của công ti phát sinh từ lỗi, sự thiếu sót, vô trách nhiệm, sự bất cẩn và sơ suất của thành viên hợp danh khác hoặc người đại diện của công ti trừ khi người đại diện này làm việc dưới sự chỉ đạo hoặc giám sát của thành viên hợp danh đó. Thành viên hợp danh sẽ không được miễn trách nhiệm nếu: (A) thành viên hợp danh đó trực tiếp tham gia vào hoạt động của thành viên hợp danh khác hoặc của người đại diện; hoặc (B) thành viên hợp danh đó được thông báo hoặc có biết về hoạt động của thành viên hợp danh khác hoặc của người đại diện mà không cố gắng ngăn chặn hoặc sửa chữa hoạt động đó”¹.

Như vậy, theo luật của bang Texas, thành viên hợp danh được miễn trách nhiệm cá nhân với những nghĩa vụ phát sinh từ lỗi, sự thiếu sót, vô trách nhiệm, sự bất cẩn và sơ

suất của những thành viên hợp danh khác trừ khi thành viên này tham gia hoặc giám sát hoạt động đó². Nói cách khác, luật bang Texas cho các thành viên hợp danh được hưởng trách nhiệm hữu hạn.

2. Lí do các công ti luật lựa chọn mô hình công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn

Trách nhiệm hữu hạn là một yếu tố quan trọng đối với các luật sư thành viên vì hai lí do chính. *Thứ nhất*, vì lợi ích của bản thân, các luật sư thành viên sẽ cố làm giảm nguy cơ mất mát tài sản cá nhân của mình và luật của bang Texas đưa ra một cách để giảm nguy cơ này. *Thứ hai*, công ti càng phát triển, mức độ rủi ro cho các luật sư thành viên càng cao do sẽ có rất nhiều luật sư đại diện cho công ti thực hiện hoạt động kinh doanh. Đã có rất nhiều mô hình công ti mang ưu điểm trách nhiệm hữu hạn ra đời trước khi có sự xuất hiện của công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn, tuy vậy, chỉ mô hình này mới khiến các công ti luật tại Hoa Kỳ từ bỏ mô hình công ti hợp danh thông thường để hướng tới trách nhiệm hữu hạn.

Công ti hợp danh thông thường (general partnership)

Mô hình công ti hợp danh là mô hình phổ biến nhất của các công ti luật, đây cũng là một trong những mô hình công ti dễ thành lập và quản lí nhất. Tuy nhiên, điểm yếu lớn nhất của mô hình này chính là trách nhiệm vô hạn của các thành viên hợp danh. Có nhiều lí do để giải thích tại sao thành viên hợp danh phải chịu trách nhiệm vô hạn, các học giả thường chỉ ra 03 lí do³: *Thứ nhất*,

¹ Điều 6132b, phần 10.03 Luật Dân sự bang Texas, <https://statutes.capitol.texas.gov/?link=CV>.

² Một luật sư sẽ vi phạm Bộ quy tắc đạo đức hành nghề (Model Rules of Professional Conduct) nếu luật sư đó liên hệ với khách hàng để giới hạn trách nhiệm cá nhân với những hành vi của chính mình.

³ N. Scott Murphy, “It’s nothing personal: The public

công ti hợp danh được coi là sự tập hợp của các cá nhân và mỗi thành viên hợp danh cũng sẽ đại diện cho các thành viên hợp danh khác. *Thứ hai*, các thành viên liên kết với nhau dựa vào nhân thân nên phần nào đó, họ sẽ gắn kết với nhau, do đó cả lợi ích và khó khăn đều sẽ được chia sẻ giữa các thành viên hợp danh. *Thứ ba*, các thành viên hợp danh là những người phù hợp nhất để chịu trách nhiệm về công ti của mình, bởi họ là những người có động lực và ở vị trí tốt nhất để tối đa hóa lợi nhuận của công ti, đồng thời giảm thiểu mức độ rủi ro.

Công ti hợp vốn đơn giản (limited partnership)

Công ti hợp vốn đơn giản bao gồm ít nhất một thành viên hợp danh và ít nhất một thành viên góp vốn, trong đó thành viên góp vốn chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn đã góp vào công ti và cũng vì lẽ đó, thành viên góp vốn gần như không có quyền quản lý công ti. Mặc dù với pháp luật hiện hành, thành viên góp vốn đã được tham gia vào nhiều hoạt động của công ti hơn, vai trò của chủ thể này vẫn rất hạn chế đối với các công ti luật. Ngược lại, mô hình công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn mang đến lợi ích tương tự mà không bị hạn chế về hoạt động của các thành viên.

Công ti trách nhiệm hữu hạn (limited liability company)

Mô hình công ti trách nhiệm hữu hạn mang đến cho các công ti luật gần như tất cả các ưu điểm của mô hình công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn. Tuy vậy, các công ti luật vẫn không thích mô hình này vì 02 lý do: 1) họ không muốn bỏ hình thức hợp danh

(partnership) và 2) họ muốn tránh những thủ tục phức tạp⁴.

Lý do thứ nhất, các luật sư sợ rằng sau khi chuyển sang mô hình công ti trách nhiệm hữu hạn, khách hàng của họ có thể hiểu nhầm rằng luật sư sẽ quan tâm nhiều đến lợi tức hơn là lợi ích của khách hàng. Trong khi đó, một công ti luật hợp danh trách nhiệm hữu hạn sẽ luôn là một công ti hợp danh trong việc ra quyết định, tổ chức cơ cấu quản lý. Hơn nữa, trái với sự đa dạng của các văn bản pháp luật về công ti trách nhiệm hữu hạn, những văn bản pháp luật về công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn gần như được thiết kế dành riêng cho các công ti luật. Hiện nay ở Hoa Kỳ, đa số các bang có thừa nhận mô hình công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn chỉ cho phép công ti luật hoặc công ti kế toán được phép hoạt động dưới mô hình này.

Lý do thứ hai, để có thể hoạt động dưới hình thức công ti trách nhiệm hữu hạn, các công ti luật sẽ phải tuân thủ các quy định về trình tự thủ tục của các văn bản pháp luật về công ti. Trái lại, các văn bản pháp luật về công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn như luật của bang Texas loại bỏ hầu hết các yêu cầu về trình tự thủ tục và cho phép các công ti luật chuyển từ công ti hợp danh sang công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn mà gần như không có rào cản nào. Các loại hình công ti có chủ sở hữu chịu trách nhiệm hữu hạn như công ti trách nhiệm hữu hạn và công ti cổ phần không phù hợp với các công ti luật lớn. Để chuyển đổi từ công ti hợp danh sang một trong hai loại hình này mất rất nhiều công sức và thời gian, bao gồm việc sửa đổi thỏa thuận hợp danh, thành lập hội đồng thành viên (hội đồng quản trị), chỉ định giám

cost of limited liability law partnerships”, *Indiana Law Journal*, 71/1995, tr. 209.

⁴ N. Scott Murphy, tldd, tr. 211.

độc... Trong khi đó, công ti hợp danh có thể chuyển đổi thành công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn bằng cách đăng kí thay đổi và trả phí, các công ti luật không cần phải thành lập hội đồng thành viên (hội đồng quản trị), thậm chí không cần sửa đổi thỏa thuận hợp danh của công ti⁵. Luật Doanh nghiệp năm 2020 của Việt Nam cũng có cách tiếp cận tương tự khi chỉ cho phép công ti trách nhiệm hữu hạn chuyển đổi thành công ti cổ phần và ngược lại, doanh nghiệp tư nhân chuyển đổi thành các loại hình doanh nghiệp khác nhưng không hề có quy định nào về công ti hợp danh chuyển đổi thành loại hình doanh nghiệp khác.

3. Pháp luật Hoa Kỳ về công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn

Như đã phân tích ở các phần trên, pháp luật về công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn ở Hoa Kỳ thuộc thẩm quyền ban hành của các bang chứ không phải Liên bang. Mặc dù vậy, rất nhiều bang đã lựa chọn áp dụng Luật Công ti hợp danh thống nhất ban hành năm 1994, có hiệu lực vào năm 1997, được sửa đổi năm 2013 (Uniform Partnership Act)⁶, trong đó có quy định về việc thành lập và quản lí công ti hợp danh. Nhìn chung, công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn ở Hoa Kỳ là công ti hợp danh thông thường nhưng các thành viên hợp danh được hưởng cơ chế trách nhiệm hữu hạn⁷. Điều 201(a) của Luật Công

ti hợp danh thống nhất sửa đổi thừa nhận tư cách pháp nhân của công ti hợp danh⁸ nhưng vẫn quy định rằng các thành viên hợp danh phải liên đới chịu trách nhiệm vô hạn về các nghĩa vụ của công ti trừ khi pháp luật có quy định khác. Do vậy, gần như không có sự phân biệt đáng kể nào giữa công ti hợp danh thông thường và công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn trong luật này, ngoại trừ quy định trong Điều 306(c): *“Tất cả các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng thương mại, hợp đồng dân sự hoặc bất kì hợp đồng nào khác của công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn là nghĩa vụ của bản thân công ti. Một thành viên hợp danh không phải trực tiếp hoặc gián tiếp chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ đó chỉ vì tư cách thành viên hợp danh của mình”*.

Có thể thấy, Điều 306(c) tạo ra một phương thức để bảo vệ các thành viên hợp danh khỏi trách nhiệm liên đới về các khoản nợ và nghĩa vụ của công ti. Tuy nhiên, các thành viên hợp danh vẫn sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về hậu quả phát sinh do hành vi sai trái hoặc sự vô trách nhiệm của bản thân mình hay của các cá nhân dưới sự chỉ đạo hoặc giám sát của họ. Ở một số bang như Texas, các thành viên hợp danh không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do hành vi của các thành viên hợp danh khác nhưng sẽ phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thương mại chung của công ti, ví dụ như tiền thuê văn phòng, trả lương cho người lao động... Trái lại, một số bang khác

⁵ Lisa Isom-Rodriguez, “Limiting the perils of partnership”, *Am. Law.*, 1993, tr. 30.

⁶ <https://www.uniformlaws.org/viewdocument/final-act-98?CommunityKey=52456941-7883-47a5-91b6-d2f086d0bb44&tab=librarydocuments>, truy cập 10/3/2022.

⁷ Gary Meggitt, “Limited liability partnerships in Hong Kong: Challenges and conundrums”, *University of Hong Kong Faculty of Law Research Paper*, 027/2013, tr. 4.

⁸ Việc thừa nhận tư cách pháp nhân của công ti hợp danh không giống với thông lệ của nhiều quốc gia nhưng Luật Công ti hợp danh thống nhất sửa đổi muốn công ti hợp danh được giữ nguyên hình thức pháp lý kể cả khi có sự thay đổi về chủ sở hữu, ví dụ như một người rời khỏi công ti hoặc tham gia vào công ti.

như Minnesota hay New York, lại quy định các thành viên hợp danh sẽ được miễn toàn bộ trách nhiệm đối với nghĩa vụ của công ti hợp danh mà không phát sinh từ hành vi sai trái hoặc sự thiếu sót của họ.

Đối với các bang quy định theo hướng thứ nhất, ví dụ như bang Texas, các quy tắc sau sẽ áp dụng: 1) bản thân công ti sẽ chịu trách nhiệm về cả nghĩa vụ tài chính chung của công ti và nghĩa vụ bồi thường thiệt hại; 2) những thành viên hợp danh không gây ra thiệt hại chỉ phải chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính chung của công ti; 3) họ sẽ không phải bồi thường thiệt hại thay cho công ti; 4) các thành viên hợp danh gây ra thiệt hại phải chịu trách nhiệm cả về nghĩa vụ tài chính chung của công ti và nghĩa vụ bồi thường thiệt hại⁹.

Đạo luật của bang Minnesota về công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn có quan điểm rất khác so với đạo luật của bang Texas. Luật của bang Minnesota gần như loại bỏ toàn bộ trách nhiệm cá nhân của thành viên hợp danh đối với những nghĩa vụ của công ti giống như trong công ti trách nhiệm hữu hạn. Cụ thể, Điều 3.17 Luật Công ti hợp danh thống nhất bang Minnesota năm 1997 (Minnesota Uniform Partnership Act 1997) quy định: *“Thành viên hợp danh trong công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn sẽ không phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính của công ti”* nhưng *“phải chịu trách nhiệm với công ti hoặc với các thành viên hợp danh khác nếu thành viên hợp danh đó vi phạm các nghĩa vụ đối với công ti hoặc với*

*các thành viên hợp danh khác”*¹⁰. Tuy vậy, các thành viên hợp danh vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi của mình.

Bang New York cũng đưa ra một đạo luật khác về công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn vào năm 1994 với cách tiếp cận tương tự. Điều 26 Luật Công ti hợp danh bang New York (New York Partnership Law)¹¹ quy định: b) Không thành viên hợp danh nào sẽ phải trực tiếp hoặc gián tiếp chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính của công ti hay của các thành viên khác khi công ti đó là công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn; c) mỗi thành viên hợp danh, người lao động, người đại diện của công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn sẽ tự chịu trách nhiệm cá nhân đối với sự vô trách nhiệm, hành vi sai trái của mình hoặc của người mà mình trực tiếp giám sát, chỉ đạo trong hoạt động của công ti.

Sự mở rộng của trách nhiệm hữu hạn được cho là cần thiết bởi Luật của bang Texas không thực sự an toàn, đặc biệt là khi công ti hợp danh đối mặt với cả nghĩa vụ tài chính thông thường và nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà bảo hiểm của công ti lẫn tài sản của công ti đều không đủ để chi trả. Ở trường hợp này, các thành viên hợp danh không gây ra thiệt hại có thể sẽ phải đóng góp để hoàn thành nghĩa vụ tài chính thông thường của công ti, mặc dù lẽ ra tài sản của công ti có thể chi trả nếu công ti không phải sử dụng tài sản đó để bồi thường những thiệt hại do một thành viên nào đó gây ra. Tuy nhiên, cách giải thích này không thuyết

⁹ Robert W Hamilton, “Registered Limited Liability Partnerships: Present at the Birth (Nearly)”, *University of Colorado Law Review*, 66(4)/1995, tr. 1079.

¹⁰ <https://www.revisor.mn.gov/laws/1997/0/174/>, truy cập 10/3/2022.

¹¹ <https://codes.findlaw.com/ny/partnership-law/ptr-sect-26.html>, truy cập 10/3/2022.

phục, chỉ cần có một quy định rằng công ti sẽ phải ưu tiên hoàn thành các nghĩa vụ tài chính thông thường trước khi sử dụng tài sản của công ti để bồi thường thiệt hại là đủ để bảo vệ các thành viên hợp danh không gây ra thiệt hại¹². Hướng giải quyết của đạo luật bang Minnesota lại miễn toàn bộ trách nhiệm của thành viên hợp danh đối với tất cả nghĩa vụ của công ti kể cả khi công ti không có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại nào.

4. Những hạn chế, bất cập của mô hình công ti luật hợp danh trách nhiệm hữu hạn theo pháp luật Hoa Kỳ

Thứ nhất, trách nhiệm hữu hạn không phải là một vấn đề quá khó để giải thích nhưng thực tế áp dụng của quy định này lại gặp phải không ít trở ngại. Theo Luật của bang Texas và cả của các bang khác, cơ chế trách nhiệm vô hạn liên đới vẫn áp dụng với các thành viên hợp danh “trực tiếp giám sát và điều hành” đối với các thành viên hợp danh hoặc người lao động có hành vi sai trái. Tuy vậy, các đạo luật này không định nghĩa thế nào là “trực tiếp giám sát và điều hành” hoặc mức độ giám sát như thế nào thì được coi là “trực tiếp”. Hơn nữa, trong các công ti luật, thường có một luật sư thành viên điều hành (managing partner) hoặc một luật sư thành viên với rất nhiều khách hàng, liệu luật sư thành viên đó sẽ phải chịu trách nhiệm với tư cách “trực tiếp giám sát và điều hành” hay không hay cơ chế này chỉ áp dụng với các luật sư thành viên thực tế làm công việc đó hoặc thực tế giám sát cấp dưới làm việc? Ngoài ra, luật sư đứng đầu một lĩnh vực nào đó trong công ti cũng là người cố vấn chính trong lĩnh vực đó và sẽ không hợp lý để cho rằng luật sư này có

quyền trực tiếp giám sát và điều hành bất kỳ ai, do đó không thể bắt họ chịu trách nhiệm về hành vi sai trái của người thực tế làm công việc của họ. Đây đều là những câu hỏi không có bất kỳ văn bản nào hướng dẫn.

Thứ hai, một vấn đề nữa của mô hình công ti luật hợp danh trách nhiệm hữu hạn mà các học giả của Hoa Kỳ thường nhắc tới là vấn đề giám sát giữa các luật sư trong cùng một công ti luật¹³. Trong một công ti luật hợp danh thông thường, các luật sư sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ hành vi sai trái hoặc sự bất cẩn nào của các đồng nghiệp của mình, kể cả khi họ không tham gia vào hoạt động đó. Chính quy định này sẽ thôi thúc các luật sư có những biện pháp để làm giảm khả năng mắc lỗi của các đồng nghiệp. Ngược lại, cơ chế trách nhiệm hữu hạn đối với hành vi của luật sư khác khiến họ không có động lực để giám sát các đồng nghiệp. Thậm chí, nó còn khiến các luật sư cố gắng tách biệt bản thân khỏi tất cả các hoạt động sai trái vì họ hiểu rằng mặc dù lợi nhuận đều được chia sẻ cho tất cả mọi người, họ sẽ không phải chia sẻ trách nhiệm với những luật sư mà họ không làm việc cùng. Hay nói ngắn gọn, một luật sư làm việc với càng ít luật sư trong cùng công ti, thì khả năng luật sư đó phải chịu trách nhiệm cá nhân lại càng thấp¹⁴.

Thứ ba, cơ chế trách nhiệm hữu hạn vẫn có rất nhiều lỗ hổng. Trong những công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn ở bang Minnesota, xung đột gần như lúc nào cũng xảy ra khi một hoặc nhiều thành viên hợp danh có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cùng với công ti do hành vi sai trái hoặc sơ

¹² Robert W Hamilton, tldđ, tr. 1091.

¹³ N. Scott Murphy, tldđ, tr. 215.

¹⁴ N. Scott Murphy, tldđ, tr. 216.

suất của mình và tài sản lẫn bảo hiểm của công ti không đủ để hoàn thành nghĩa vụ tài chính thông thường và nghĩa vụ bồi thường¹⁵. Thậm chí, xung đột vẫn có thể xảy ra kể cả khi công ti không có nghĩa vụ bồi thường nào. Theo Luật bang Minnesota, thành viên hợp danh không phải chịu trách nhiệm với nghĩa vụ tài chính chung của công ti nhưng họ chắc chắn vẫn muốn công ti phân phối lợi nhuận thay vì sử dụng tài sản của công ti để trả các khoản nợ. Nếu công ti không thể phân phối lợi nhuận thì những thành viên hợp danh không gây ra thiệt hại (vô tội) sẽ không quan tâm đến việc công ti sử dụng tài sản để hoàn thành nghĩa vụ tài chính chung hay nghĩa vụ bồi thường. Còn những thành viên hợp danh có hành vi gây ra thiệt hại thì đương nhiên sẽ muốn công ti sử dụng tài sản của công ti để hoàn thành nghĩa vụ bồi thường thay vì nghĩa vụ tài chính chung, đơn giản là bởi vì họ phải chia sẻ nghĩa vụ bồi thường với công ti nhưng nghĩa vụ tài chính thông thường thì không. Trên thực tế, tài sản của công ti thường được sử dụng để hoàn thành nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, còn những chủ nợ của các khoản nợ kinh doanh thông thường lại phải gánh chịu rủi ro không thu hồi được nợ¹⁶.

5. Đề xuất đưa mô hình công ti luật hợp danh trách nhiệm hữu hạn vào pháp luật doanh nghiệp ở Việt Nam

Theo pháp luật Việt Nam hiện hành, cụ thể là Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi năm 2012), có hai hình thức tổ chức hành nghề luật sư: 1) văn phòng luật sư là doanh nghiệp tư nhân và 2) công ti luật là công ti luật hợp

danh hoặc công ti luật trách nhiệm hữu hạn. Danh sách tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn thành phố Hà Nội (cập nhật tháng 4/2020) của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội¹⁷ thống kê có 35 công ti luật hợp danh, trong khi đó số lượng công ti luật trách nhiệm hữu hạn là khoảng 850 và văn phòng luật sư là khoảng 500. Như vậy, có thể thấy công ti luật hợp danh không phải là một mô hình được ưa chuộng với các luật sư. Một phần lí do có lẽ xuất phát từ cơ chế trách nhiệm vô hạn áp dụng đối với các thành viên hợp danh (công ti luật hợp danh không có thành viên góp vốn) và cơ cấu quản trị công ti luật hợp danh. Trong hoạt động quản trị công ti luật hợp danh thì yếu tố bình đẳng giữa các thành viên (luật sư) được coi trọng và là nền tảng của quản trị công ti. Sự bình đẳng này được coi là một đặc trưng rất rõ ràng của công ti hợp danh được thể hiện trên nhiều phương diện khác nhau như: Bình đẳng trong quản lí, điều hành; bình đẳng trong phân chia quyền lực hay chịu rủi ro có thể không phân biệt và phụ thuộc vào tỉ lệ vốn góp vào công ti.

Cơ chế “bình quyền” giữa các luật sư thành viên trong công ti luật hợp danh cho phép đảm bảo mọi luật sư là thành viên đều có quyền tham gia việc tổ chức, quản lí và kiểm soát công ti. Mặt tích cực là phát huy được những lợi thế hay thế mạnh của tất cả các luật sư thành viên công ti, đặc biệt là các luật sư có trình độ chuyên môn sâu và kinh nghiệm trong các lĩnh vực đặc thù. Tuy nhiên, khi mà các thành viên hợp danh đều có quyền đại diện cho công ti thì việc “phân quyền” trong tổ chức, quản lí công ti sẽ gặp khó khăn

¹⁵ Robert W Hamilton, *ltd*, tr. 1095.

¹⁶ Robert W Hamilton, *ltd*, tr. 1096.

¹⁷ <http://sotuphap.hanoi.gov.vn/Portalview/trangchietiet.aspx?portalid=1&idmenu=46&idtin=1215>, truy cập 10/7/2021.

nếu “chiếc bánh lợi ích” được chia không rõ ràng. Vì vậy, nếu không có sự minh bạch trong quy định thẩm quyền giữa những người đại diện thì có thể dẫn đến những hành động lạm quyền gây tổn hại cho công ti, thành viên và khách hàng. Thậm chí có minh bạch nhưng nếu có hành vi vi phạm thì chế tài cũng chủ yếu là do các thành viên xem xét quyết định. Thực tế cho thấy, có những luật sư không trực tiếp tham gia điều hành công ti nhưng khi thực hiện, khi kí kết các hợp đồng thì họ nhân danh công ti. Chính vì vậy, cần phải có cơ chế để dự phòng những tổn thất gây ra cho người thứ ba trong trường hợp giao kết hợp đồng với luật sư thành viên mà trong thời gian đó họ không nắm giữ chức năng quản lí và kiểm soát. Đặc biệt là đối với việc lạm quyền khi giao dịch kí kết các hợp đồng với khách hàng có thể mang lại bất lợi cho thành viên khác, cho công ti nhưng lại có lợi cho luật sư trực tiếp kí kết hợp đồng¹⁸.

Yếu tố trách nhiệm hữu hạn có ý nghĩa đặc biệt với sự ra đời của mô hình công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn, theo quan điểm của tác giả, đây chính là lí do mà các nhà làm luật Hoa Kỳ nghĩ ra mô hình này. Các luật sư là những người hiểu rõ nhất tầm quan trọng của cơ chế trách nhiệm hữu hạn. Mô hình công ti hợp danh thông thường mang lại quá nhiều rủi ro đối với tài sản cá nhân của các luật sư, đặc biệt là quy định các thành viên hợp danh, tức các luật sư thành viên phải liên đới chịu trách nhiệm đối với tất cả các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ti trong khi họ có thể không phải là người tạo ra những khoản nợ và nghĩa vụ đó.

Do đó, Việt Nam cần có một mô hình doanh nghiệp mới dành cho những người có trình độ chuyên môn, uy tín, kinh nghiệm... trong các lĩnh vực đặc biệt như tư vấn pháp luật, kiểm toán. Đây đều là những ngành nghề mà yếu tố nhân thân của các thành viên trong công ti được đặt lên cao nhất và sẽ rất đáng tiếc nếu Việt Nam không thể áp dụng mô hình này. Một số nước ở châu Á cũng đã bắt đầu đưa mô hình công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn vào pháp luật doanh nghiệp của họ từ đầu những năm 2000. Singapore thông qua Luật Công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn (Limited Liability Partnerships Act) vào năm 2005 sau khi tham khảo pháp luật Anh Quốc và Hoa Kỳ¹⁹. Trung Quốc sửa đổi Luật Công ti hợp danh (Partnership Enterprise Law) vào năm 2007 và bổ sung loại hình công ti hợp danh đặc biệt (Special General Partnership) với nhiều điểm tương đồng với công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn, trong đó các thành viên hợp danh không phải chịu trách nhiệm về hành vi sai trái hoặc sự bất cẩn của thành viên hợp danh khác²⁰. Hồng Kông giới thiệu mô hình công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn dành cho các công ti luật trong Pháp lệnh Hành nghề luật sư sửa đổi (Legal Practitioners (Amendment) Ordinance) vào năm 2012²¹, qua đó thay thế mô hình cũ mà các luật sư thành viên phải liên đới chịu trách nhiệm vô hạn về mọi nghĩa vụ tài chính của công ti.

¹⁹ Yeo Hwee Ying, "Nature and Liability Shield of Limited Liability Partnerships in Singapore", *Singapore Academy of Law Journal*, 19(2)/2007, tr. 409.

²⁰ Lin Lin, "The Limited Liability Partnership in China: A Long Way Ahead", *International Company and Commercial Law Review* 259, 7/2010, tr. 1.

²¹ <http://www.legco.gov.hk/yr11-12/english/ord/ord022-12-e.pdf>, truy cập 10/3/2022.

¹⁸ Nguyễn Quý Trọng, Nguyễn Minh Đức, *Quản trị nội bộ công ti luật hợp danh – Góc nhìn từ thực tiễn*, <https://tcdcp1.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/phap-luat-kinh-te.aspx?ItemID=203>, truy cập 10/7/2021.

Vì vậy, tác giả đề xuất bổ sung mô hình công ti hợp danh trách nhiệm hữu hạn trong Luật Doanh nghiệp, qua đó, mở ra một chương mới dành cho các công ti luật cả trong nước lẫn nước ngoài đã, đang và sẽ tham gia thị trường cung ứng dịch vụ pháp lý ở Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. N. Scott Murphy, "It's nothing personal: The public cost of limited liability law partnerships", *Indiana Law Journal*, 71/1995.
2. Lisa Isom-Rodriguez, "Limiting the perils of partnership", *Am. Law.*, 1993.
3. Gary Meggitt, "Limited liability partnerships in Hong Kong: Challenges and conundrums", *University of Hong Kong Faculty of Law Research Paper*, 027/2013.
4. Robert W Hamilton, "Registered Limited Liability Partnerships: Present at the Birth (Nearly)", *University of Colorado Law Review*, 66(4)/1995.
5. Yeo Hwee Ying, "Nature and Liability Shield of Limited Liability Partnerships in Singapore", *Singapore Academy of Law Journal*, 19(2)/2007.
6. Lin Lin, "The Limited Liability Partnership in China: A Long Way Ahead", *International Company and Commercial Law Review*, 7(259)/2010.
7. Nguyễn Quý Trọng, Nguyễn Minh Đức, *Quản trị nội bộ công ti luật hợp danh – Góc nhìn từ thực tiễn*, <https://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/phap-luat-kinh-te.aspx?ItemID=203>

ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH... (tiếp theo trang 55)

Tóm lại, việc đặt ra các điều kiện kinh doanh thực chất là sự can thiệp của Nhà nước vào quyền tự do kinh doanh của các cá nhân, tổ chức trong nền kinh tế và ở bất kì quốc gia nào (phát triển hay đang phát triển) cũng quy định về nội dung này. Điều này cho thấy, điều kiện đầu tư kinh doanh là nội dung không thể thiếu trong LDN. Do đó cần thiết sửa đổi, bổ sung những quy định của LDN năm 2020 về điều kiện đầu tư kinh doanh để có sự thống nhất với Luật Đầu tư năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành; phù hợp với yêu cầu thực tiễn của việc quản lý điều kiện đầu tư kinh doanh; tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho các doanh nghiệp thực hiện trên thực tế./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Huyền Trang, *Pháp luật về*

điều kiện kinh doanh ở Việt Nam hiện nay - Thực trạng và hướng hoàn thiện, Luận văn thạc sĩ luật học, Hà Nội, 2014.

2. *Doing Business - Measuring Business Regulations*, <https://www.doingbusiness.org>
3. *Go business Licensing*, <https://licence1.business.gov.sg/web/frontier/eAdvisor>
4. *Oversize/Overweight Load Permits*, https://ops.fhwa.dot.gov/freight/sw/permit_report/index.htm#obt
5. Nguyễn Như Chính, *Kiểm soát điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam*, <https://lsvn.vn/kiem-soat-dieu-kien-dau-tu-kinh-doanh-doi-voi-nganh-nghe-dau-tu-kinh-doanh-co-dieu-kien-o-viet-nam.html>
6. *U.S. Small Business Administration*, <https://www.sba.gov>